TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 156/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 29 - 7 - 2019
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Cẩm Đào
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Vượng
Ông Nguyễn Văn Chiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Linh – Thư ký tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 29 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 304/2019/TLST-HNGĐ ngày 08/4/2019, về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 384/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/5/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Chị Võ Kim T, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: Số 38B Lý Thái Tôn, khóm 7, phường 2,thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 279 Lý Thường Kiệt, khóm 5, phường 6, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Chị Võ Kim T trình bày*: Chị và anh H chung sống với nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn ngày 14/7/2011, tại Ủy ban nhân dân phường 2, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi vã nhau, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên chị và anh H đã không còn sống chung nhà 08 năm nay. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh H có một người con chung là Nguyễn Võ Gia Đ, sinh ngày 16/12/2010. Hiện con chung đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị T xác định không có.

Nợ chung: chị T xác định không có nợ

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về phần hôn nhân: Chị T và anh H kết hôn từ năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 2, thành phố C đúng theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp và được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do có phát sinh mâu thuẩn trong cuộc sống vợ chồng nên chị T và anh H không còn sống chung nhà. Chị T xác định mâu thuẫn của chị T và anh H phát sinh ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nên chị T yêu cầu ly hôn với anh H. Riêng anh H không có văn bản hay ý kiến gì thể hiện quan điểm của anh H trước yêu cầu của chị T.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa chị T và anh H đã mâu thuẫn là thực tế và anh chị đã không sống chung trong nhà. Xét thấy hôn nhân của anh, chị đã mâu thuẫn kéo dài, cả chị T và anh H đều không có hướng khắc phục, Tòa án đã tạo điều kiện để anh chị hòa giải đoàn tụ nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do nên không thể hàn gắn được mối quan hệ vợ chồng của anh chị. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống anh, chị có một người con chung là Nguyễn Võ Gia Đ, sinh ngày 16/12/2010. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Anh H không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị T. Xét thấy yêu cầu của chị T phù hợp với nguyện vọng của con chung và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận yêu cầu của chị T là phù hợp.

Người không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Chị T xác định không có.

[4] Về nợ chung: Chị T xác định không nợ ai nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Kim T về việc xin ly hôn anh Nguyễn Văn H

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Võ Gia Đ, sinh ngày 16/12/2010 (hiện đang sống với chị T) cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, không đặc ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Anh Khanh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, chị Võ Kim T phải nộp, ngày 05/4/2019, chị T có nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0002325 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được chuyển thu án phí.

Các trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận hoặc bản án được niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố C;
- UBND phường 2, Tp. C;
- Chi cục THADS Tp C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Đã Ký

Đinh Cẩm Đào